|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****ĐỀ CHÍNH THỨC***(Đề có 4 trang)* | **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Bài thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN****Môn thi thành phần: HÓA HỌC***Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề* |

Họ và tên thí sinh……………………………………….

**Mã đề thi 204**

Số báo danh: …………………………………………….

**Mã đề thi 217**

• Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39, Fe = 56; Cu = 64; Ba = 137*.*

• Các thể tích khí đều đo ở điều kiện tiêu chuẩn, giả thiết các khí sinh ra không tan trong nước.

**ĐÁP ÁN CHI TIẾT MÃ ĐỀ 201 – VnTeach.Com**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41A** | **42D** | **43A** | **44D** | **45A** | **46B** | **47D** | **48D** | **49B** | **50B** |
| **51C** | **52D** | **53D** | **54A** | **55A** | **56D** | **57B** | **58B** | **59B** | **60D** |
| **61A** | **62B** | **63D** | **64A** | **65A** | **66D** | **67C** | **68B** | **69A** | **70B** |
| **71A** | **72D** | **73C** | **74A** | **75D** | **76A** | **77D** | **78C** | **79D** | **80C** |

**Câu 41.** Số nguyên tử oxi trong phân tử saccarozơ là

**A.** 11 **B.** 6 **C.** 5 **D.** 12.

**Câu 42.** Na2CO3 là hóa chất quan trọng trong công nghiệp sản xuất thủy tinh, bột giặt, phẩm nhuộm, giấy, sợi. Tên của Na2CO3 là

**A.** natri hiđrocacbonat **B.** natri clorua. **C.** natri sunfat **D.** natri cacbonat.

**Câu 43.** Thủy phân hoàn toàn triglixerit X trong dung dịch NaOH thu được C17H35COONa và C3H5(OH)3. Công thức của X là

**A.** (C17H35COO)3C3H5 **B.** (C17H33COO)3C3H5. **C.** (C17H31COO)3C3H5 **D.** (C15H31COO)3C3H5.

**Câu 44.** Chất nào sau đây có chứa nguyên tố nitơ trong phân tử?

**A.** Etyl fomat **B.** Saccarozơ **C.** Tristearin **D.** Alanin.

**Câu 45.** Chất nào sau đây làm mềm được nước có tính cứng vĩnh cửu?

**A.** Na3PO4 **B.** HCl **C.** CaCl2 **D.** HNO3.

**Câu 46.** Kim loại nào sau đây có tính khử mạnh nhất?

**A.** Pb **B.** Mg **C.** Cu **D.** Ag.

**Câu 47.** Cho kim loại Fe tác dụng với dung dịch HNO3 (đặc, nóng, dư) thu được chất nào sau đây?

**A.** Fe2O3 **B.** Fe(NO3)2 **C.** Fe(OH)2 **D.** Fe(NO3)3.

**Câu 48.** Anđehit axetic có công thức là

**A.** CH3CH2OH **B.** HCHO **C.** CH3COOH **D.** CH3CHO.

**Câu 49.** Công thức hóa học của phèn chua là

**A.** Li2SO4.Al2(SO4)3.24H2O **B.** K2SO4.Al2(SO4)3.24H2O.

**C.** (NH4)2SO4.Al2(SO4)3.24H2O **D.** Na2SO4.Al2(SO4)3.24H2O.

**Câu 50.** Trong tự nhiên, canxi sunfat tồn tại dưới dạng muối ngậm nước gọi là thạch cao sống. Công thức của thạch cao sống là

**A.** CaCO3 **B.** CaSO4.2H2O **C.** Ca(OH)2 **D.** CaSO4.

**Câu 51.** Hợp chất CH3NHCH3 có tên là

**A.** propylamin **B.** etylmetylamin **C.** đimetylamin **D.** đietylamin.

**Câu 52.** Kim loại nào sau đây điều chế được bằng phương pháp thủy luyện?

**A.** Na **B.** Ca **C.** K **D.** Ag.

**Câu 53.** Al(OH)3 tác dụng với dung dịch chất nào sau đây sinh ra AlCl3?

**A.** NaOH **B.** H2SO4 **C.** Na2SO4 **D.** HCl.

**Câu 54.** Ở cùng điều kiện, kim loại nào sau đây có khối lượng riêng nhỏ nhất?

**A.** Li **B.** Cs **C.** Na **D.** K.

**Câu 55.** Poli(vinyl clorua) được điều chế trực tiếp từ monome nào sau đây?

**A.** CH2=CH – Cl **B.** CH2=CH2 **C.** CH2=CH – CH=CH2 **D.** CH2=CH – CN.

**Câu 56.** Kim loại nào sau đây tác dụng với dung dịch H2SO4 loãng sinh ra khí H2?

**A.** Ag **B.** Au **C.** Cu **D.** Zn.

**Câu 57.** Công thức của etyl fomat là

**A.** HCOOCH3 **B.** HCOOC2H5 **C.** CH3COOCH3 **D.** CH3COOC2H5.

**Câu 58.** Mưa axit gây ảnh hưởng đối với cây trồng; sinh vật sống trong ao hồ, sông ngòi. Khí nào sau đây là tác nhân chính gây ra mưa axit?

**A.** CH4 **B.** SO2 **C.** O3 **D.** CO2.

**Câu 59.** Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển sang màu xanh?

**A.** H2SO4 **B.** NaOH **C.** HCI **D.** NaCl.

**Câu 60.** Crom(III) oxit là

**A.** oxit axit **B.** oxit trung tính. **C.** oxit bazơ **D.** oxit lưỡng tính.

**Câu 61.** Cho Fe2O3 vào dung dịch H2SO4 (loãng, dư) thu được dung dịch X. Thêm tiếp NaOH dư vào X, thu được kết tủa Y. Công thức của Y là

**A.** Fe(OH)3 **B.** Fe2(SO4)3 **C.** FeSO4 **D.** Fe(OH)2.

**Câu 62.** Cho 5,6 gam bột Fe tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch CuSO4 1M. Giá trị của V là

**A.** 50 **B.** 100 **C.** 150 **D.** 200.

**Hướng dẫn giải**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

PTHH: Fe + CuSO4 → FeSO4 + Cu



**Câu 63.** Phát biểu nào sau đây sai?

**A.** Thủy phân hoàn toàn xenlulozơ thu được glucozơ.

**B.** Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.

**C.** Fructozơ và glucozơ là đồng phân của nhau.

**D.** Fructozơ là sản phẩm của phản ứng thủy phân tinh bột.

**Câu 64.** Phát biểu nào sau đây đúng?

**A.** Kim loại Na được bảo quản bằng cách ngâm chìm trong dầu hỏa.

**B.** Tất cả các kim loại kiềm thổ đều tan tốt trong nước ở nhiệt độ thường.

**C.** Kim loại Al tan được trong H2SO4 đặc, nguội.

**D.** Sự tạo thành thạch nhũ trong hang động là do CaCO3 bị phân hủy thành CaO.

**Câu 65.** Oxi hóa hoàn toàn 11,42 gam hỗn hợp X (gồm Mg, Al và Zn) bằng O2, thu được 17,5 gam hỗn hợp Y gồm các oxit. Cho Y tác dụng vừa đủ với dung dịch H2SO4 loãng, thu được dung dịch chứa m gam muối trung hòa. Giá trị của m là

**A.** 47,90 **B.** 48,66 **C.** 53,98 **D.** 29,66.

**Hướng dẫn giải**





**Câu 66.** Cho các polime sau: polibutađien, poli(metyl metacrylat), poliacrilonitrin, nilon – 6,6. Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 1.

**Câu 67.** Cho 8,8 gam este X đơn chức phản ứng hoàn toàn với dung dịch NaOH, thu được 3,2 gam CH3OH. Tên của X là

**A.** propyl fomat **B.** etyl axetat. **C.** metyl propionat **D.** metyl axetat.

**Hướng dẫn giải**

PTHH: RCOOCH3 + NaOH  RCOONa + CH3OH



 Este: C2H5COOCH3: metyl propionat

**Câu 68.** Từ 405 kg tinh bột (chứa 20% tạp chất trơ) sản xuất được m kg glucozơ với hiệu suất toàn bộ quá trình là 80%. Giá trị của m là

**A.** 72 **B.** 288 **C.** 360 **D.** 216.

**Hướng dẫn giải**

 PTHH: (C6H10O5)n + nH2O → nC6H12O6

 162g → 180g

 405 kg 

**Câu 69.** Thực hiện phản ứng este hóa giữa HOCH2CH2OH với hỗn hợp CH3COOH và C2H5COOH thu được tối đa bao nhiêu este hai chức?

**A.** 3 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 4.

**Hướng dẫn giải**

(CH3COO)2C2H4, (C2H5COO)2C2H4, CH3COOCH2 – CH2OOCC2H5

**Câu 70.** Khối lượng etylamin cần để tác dụng vừa đủ với 0,01 mol HCl là

**A.** 0,31 gam **B.** 0,45 gam **C.** 0,59 gam **D.** 0,90 gam.

**Hướng dẫn giải**

PTHH: C2H5NH2 + HCl → C2H5NH3Cl



**Câu 71.** Nung nóng 1,1 mol hỗn hợp X gồm N2 và H2 trong bình kín (xúc tác bột Fe) thu được hỗn hợp khí Y có tỉ khối so với H2 bằng 5,65. Dẫn Y qua ống sứ chứa bột CuO (dư, đun nóng), sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn Z và 23,3 gam hỗn hợp gồm N2 và H2O. Hiệu suất phản ứng tổng hợp NH3 là

**A.** 20,00% **B.** 14,29% **C.** 42,86% **D.** 18,75%.

**Hướng dẫn giải**





PTHH: N2 + 3H2 → 2NH3

Hiệu suất phản ứng tính theo H2  

Chú ý: Trong phản ứng tổng hợp NH3 từ N2 và H2 thì 

**Câu 72.** Cho các phát biểu sau:

(a) Nhôm bị thụ động trong HNO3 đặc, nguội.

(b) Sục khí CO2 đến dư vào dung dịch NaAlO2, thu được kết tủa.

(c) Ở nhiệt độ cao, nhôm khử được nhiều ion kim loại trong oxit.

(d) Các chất Al, Al2O3 đều tác dụng được với dung dịch NaOH và dung dịch HCl.

(đ) Hỗn hợp criolit và nhôm oxit có nhiệt độ nóng chảy cao hơn nhôm oxit.

Số phát biểu đúng là

**A.** 3 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 4.

**Hướng dẫn giải**

Bao gồm: a, b, c, d.

(đ) Sai vì hỗn hợp criolit và nhôm oxit có nhiệt độ nóng chảy thấp hơn nhiệt độ nóng chảy của nhôm oxit.

**Câu 73.** Cho 13,9 gam hỗn hợp Fe và kim loại M tác dụng với dung dịch HNO3 dư, thu được dung dịch X (không có muối amoni) và 0,45 mol hỗn hợp B (gồm NO và NO2) có tỉ khối so với H2 bằng 19. Cô can X thu được m gam hỗn hợp muối Y. Nung Y đến khối lượng không đổi thu được chất rắn Z và hỗn hợp E gồm khí và hơi. Cho toàn bộ E vào 200 gam nước, không có khí thoát ra và dung dịch thu được chi chứa một chất tan, có nồng độ 19,078%. Giá trị của m **gần nhất** với

**A.** 70,6 **B.** 69,7 **C.** 118,3 **D.** 48,6.

**Hướng dẫn giải**



♦ Vì hỗn hợp E gồm khí và hơi  E chứa H2O  muối Y chứa H2O (Y không phải muối khan).

♦ Cho E vào nước không thấy khí thoát ra  trong E có   Z không chứa NO2-.



♦ 

 

**Câu 74.** Phân tích nguyên tố hợp chất hữu cơ mạch hở E cho kết quả phần trăm khối lượng cacbon, hiđro, oxi lần lượt là 40,68%; 5,08%; 54,24%. Phương pháp phân tích phổ khối lượng (MS) cho biết E có phân tử khối bằng 118. Từ E thực hiện sơ đồ các phản ứng sau theo đúng tỉ lệ mol:



Biết Z là ancol đơn chức; F và T là các hợp chất hữu cơ; MF < MT. Phát biểu nào sau đây đúng?

**A.** Trong Y, số nguyên tử hiđro bằng số nguyên tử oxi.

**B.** Chất F không có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.

**C.** Nhiệt độ sôi của Z cao hơn nhiệt độ sôi của etanol.

**D.** Chất T thuộc loại hợp chất hữu cơ đa chức.

**Hướng dẫn giải**

E: CxHyOz  x : y : z = 

ME = 118  n = 2  CTPT của E: C4H6O4

Theo (2), (3)  X, Y là muối; Z là ancol đơn chức nên E có dạng: RCOOR’COOR’’

 E: HCOOCH2COOCH3

(1) HCOOCH2COOCH3 + 2NaOH  HCOONa + HOCH2COONa + CH3OH

 (E) (X) (Y) (Z)

(2) HCOONa + HCl → HCOOH + NaCl

 (F)

(3) HOCH2COONa + HCl → HOCH2COOH + NaCl

 (T)

A đúng vì Y (HOCH2COONa) có số C = số H = 3

B sai vì F (HCOOH) có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc

C sai vì Z là CH3OH có nhiệt độ sôi thấp hơn etanol (C2H5OH)

D sai vì T là hợp chất hữu cơ tạp chức

**Câu 75.** Hỗn hợp E gồm hai hiđrocacbon mạch hở X, Y với MX < MY < 80. Cho 0,12 mol E, có khối lượng 5,5 gam, vào lượng dư dung dịch AgNO3 trong NH3, thu được 25,83 gam hỗn hợp kết tủa. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của Y trong E là

**A.** 45,45% **B.** 36,36% **C.** 54,55% **D.** 63,64%.

**Hướng dẫn giải**

Tăng – giảm KL;



TH1: 

TH2: 

**Câu 76.** Poli(etylen terephtalat) (viết tắt là PET) là một polime được điều chế từ axit terephtalic và etylen glicol. PET được sử dụng để sản xuất tơ, chai đựng nước uống, hộp đựng thực phẩm. Để thuận lợi cho việc nhận biết, sử dụng và tái chế thì các đồ nhựa làm từ vật liệu chứa PET thường được in kí hiệu như hình bên. Cho các phát biểu sau:

(a) PET thuộc loại poliamit.

(b) Tơ được chế tạo từ PET thuộc loại tơ nhân tạo.

(c) Trong một mắt xích PET, phần trăm khối lượng cacbon là 57,14%.

(d) Phản ứng tổng hợp PET từ axit terephtalic và etylen glicol thuộc loại phản ứng trùng ngưng.

(đ) Từ etilen điều chế trực tiếp được etylen glicol.

Số phát biểu đúng là

**A.** 2 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 5.

**Hướng dẫn giải**

PTHH: nC6H4(COOH)2 + nC2H4(OH)2 → -(-OC – C6H4 – COOC2H4 – O -)n- + 2nH2O

 Axit terephtalic etylen glicol Poli(etylen terephtalat) (PET)

Bao gồm: d, đ.

(a) Sai vì PET thuộc loại polieste.

(b) Sai vì tơ chế tạo từ PET thuộc loại tơ tổng hợp.

(c) Sai vì 1 mắt xích của PET có công thức C10H8O4  %mC = 62,5%

**Câu 77.** Cho các phát biểu sau:

(a) Lysin có tính chất lưỡng tính.

(b) Ala–Gly có phản ứng màu biure.

(c) Bột ngọt (mì chính) là muối đinatri của axit glutamic.

(d) Dung dịch axit glutamic không làm chuyển màu quỳ tím.

(đ) Axit 6 – aminohexanoic là nguyên liệu để sản xuất tơ nilon–6,6.

Số phát biểu **sai** là

**A.** 1 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 4.

**Hướng dẫn giải**

Bao gồm: b, c, d, đ

 (b) Sai vì đipeptit không có phản ứng màu biure, từ tripeptit trở lên mới có.

(c) Sai vì thành phần của bột ngọt là muối mononatri glutamat: 

 (d) Sai vì dung dịch axit glutamic làm đổi màu quỳ tím thành đỏ.

 (đ) Sai vì axit 6 – aminohexanoic là nguyên liệu để sản xuất tơ nilon – 6.

**Câu 78.** Hỗn hợp E gồm ba este mạch hở X, Y, Z (chỉ chứa chức este) đều tạo bởi axit cacboxylic với ancol no, trong đó: X đơn chức, Y hai chức, Z ba chức. Đốt cháy m gam E trong O2 dư, thu được 1,1 mol CO2 và 0,88 mol H2O. Mặt khác, cho m gam E phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp F gồm các ancol và 30,56 gam hỗn hợp muối khan T. Đốt cháy toàn bộ T thu được Na2CO3, 0,53 mol CO2 và 0,51 mol H2O. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn, các muối trong T đều không có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. Phần trăm khối lượng của X trong E là

**A.** 10,77% **B.** 8,70% **C.** 10,91% **D.** 80,38%.

**Hướng dẫn giải**









 ancol có thể là CH3OH, C2H4(OH)2, C3H5(OH)3

TH1:



**Câu 79.** Hòa tan m gam hỗn hợp X gồm Na, Na2O, Ba và BaO vào H2O, thu được dung dịch Y và 0,025 mol H2. Sục từ từ đến hết 0,15 mol CO2 vào Y, thu được dung dịch Z và kết tủa BaCO3. Sự phụ thuộc của số mol kết tủa BaCO3 (a mol) vào số mol CO2 (b mol) được biểu diễn theo đồ thị bên cạnh. Cho từ từ đến hết Z vào 75 ml dung dịch HCl 1M, thu được 0,05 mol CO2. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn.

Giá trị của m là

**A.** 10,30 **B.** 23,30. **C.** 7,05 **D.** 11,90.

**Hướng dẫn giải**





Đồ thị  

;

**Câu 80.** Thực hiện thí nghiệm theo các bước sau:

**Bước 1:** Cho một đinh sắt đã cạo sạch gi vào ống nghiệm.

**Bước 2:** Thêm tiếp vào ống nghiệm 4–5 ml dung dịch H2SO4 loãng.

**Bước 3:** Lấy đinh sắt ra rồi nhỏ dần từng giọt dung dịch K2Cr2O7 trong H2SO4 loãng vào ống nghiệm và lắc đều.

Cho các phát biểu sau:

(a) Trong bước 2, xuất hiện bọt khí không màu.

(b) Trong bước 2, kim loại sắt bị oxi hóa thành hợp chất sắt(II).

(c) Trong bước 3, hợp chất sắt(II) bị oxi hóa thành hợp chất sắt(III).

(d) Trong bước 3, hợp chất crom(VI) bị oxi hóa thành hợp chất crom(III).

(đ) Ở bước 2, nếu thay dung dịch H2SO4 loãng bằng dung dịch HCl thì không xuất hiện bọt khí.

Số phát biểu đúng là

**A.** 4 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 2.

**Hướng dẫn giải**

Bước 1: Không có phản ứng.

Bước 2: Fe + H2SO4 → FeSO4 + H2↑

Bước 3: 6FeSO4 + K2Cr2O7 + 7H2SO4 → 3Fe2(SO4)3 + K2SO4 + Cr2(SO4)3 + 7H2O

Bao gồm: a, b, c.

(d) Sai vì trong bước 3, hợp chất crom(VI) bị khử thành hợp chất crom(III).

(đ) Sai vì nếu thay H2SO4 bằng HCl vẫn có khí H2 thoát ra.

**\_\_\_\_HẾT\_\_\_\_**